

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/LĐ-ST
Ngày: 27/7/2023
V/v: “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Loan
- Ông Võ Thành Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST - LĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX - DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 209/6A tổ 10, khu phố 2 D, phường I, thành phố T, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: lô 52 khu công nghiệp T, thành phố T, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện hợp pháp: Ông Đ – Phó giám đốc

Ông T, ông Đ có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông T trình bày:*

Ông T làm việc tại Công ty B (gọi tắt công ty) từ ngày 01/01/2007 theo hợp đồng lao động số 02/BADA ngày 01/01/2007. Theo nội dung hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động thì ông T làm việc với vị trí công nhân trực

tiếp sản xuất, loại hợp đồng lao động: không xác định thời hạn, lương cơ bản: 5.229.000 đồng/tháng, phụ cấp thỏa thuận miệng là 4.220.000 đồng.

Ngày 24/5/2022, công ty ra Quyết định số 05/22-TV với nội dung chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông, với lý do: người lao động thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ; thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 24/5/2022. Ngày 24/5/2022 ông nhận được quyết định nêu trên.

Ngày 15/3/2023, ông T có đơn khởi kiện về việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với các yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 05/22-TV ngày 24/5/2023 của Công ty B về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông;

2. Yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho ông các khoản tiền sau:

- Nhận ông trở lại làm việc hoặc bồi thường 12 tháng lương để kết thúc hợp đồng.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày, số tiền 16.354.035 đồng

- 08 ngày phép năm 2022, số tiền 2.907.384 đồng

- 07 ngày phép năm 2023, số tiền 2.543.961 đồng

- Lương và phụ cấp những ngày không được làm việc: 10 tháng, số tiền 94.490.000 đồng

- Tiền thưởng tết 2023, số tiền 5.229.000 đồng

- Bán các tài sản để sử dụng do bị nghỉ việc: 34.500.000 đồng

- Bồi thường tổn thất tinh thần, số tiền 40.000.000 đồng

- Bồi thường thiệt hại về kinh tế thu nhập do không xin được việc ở các công ty khác: 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T yêu cầu là **278.040.380 đồng**.

- *Tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn thì công ty không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn do anh T không hoàn thành nhiệm vụ nên công ty ra quyết định cho anh T nghỉ việc là đúng.

Công ty đồng ý trợ cấp 02 tháng lương cho ông T với số tiền là 10.458.000 đồng. Đối với các yêu cầu bồi thường khác của ông T thì công ty không đồng ý bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông T yêu cầu hủy quyết định của công ty TNHH Badavina về việc cho ông nghỉ việc nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty B có trụ sở tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Công ty B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T ngày 24/5/2022; lý do chấm dứt hợp đồng lao động là “người lao động không hoàn thành nhiệm vụ” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019, căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động *được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động*.

[3] Công ty B xuất trình “Biên bản thẩm định và đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở chế biến thủy sản đông lạnh”, “Quyết định về việc thành lập đội quản lý chất lượng theo HACCP” để cho rằng ông T không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động và quyết định thành lập đội HACCP trong đó ông T là đội trưởng. Tuy nhiên, phía công ty không cung cấp được chứng cứ thể hiện bản mô tả công việc cụ thể của ông T và trách nhiệm kèm theo. Công ty cũng chưa lập biên bản hoặc nhắc nhở bằng văn bản đối với ông T để ông T khắc phục. Công ty căn cứ vào kết luận về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở không đạt làm căn cứ để xác định vi phạm và lỗi hoàn toàn thuộc về ông T là không có cơ sở. Như vậy, chứng cứ do Công ty B cung cấp chưa đủ cơ sở để xác định ông T thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

[4] Khi ban hành quyết định BADA 05/22-TV ngày 24/5/2022 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T thì Công ty B không có căn cứ để đánh giá mức độ không hoàn thành công việc của ông T, không thực hiện việc thông báo trước 45 ngày cho ông T biết, là vi phạm qui định tại Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019. Vì vậy quyết định BADA 05/22-TV ngày 24/5/2022 là không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T hủy quyết định số 0 BADA 05/22-TV ngày 24/5/2022.

[5] Căn cứ hợp đồng lao động số 02/BADA và phụ lục hợp đồng lao động thì mức lương căn bản là 5.229.000 đồng/tháng. Đối với các khoản phụ cấp chỉ được tính khi người lao động trực tiếp tham gia làm việc. Vì vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của ông T với mức lương xác định trách nhiệm bồi thường là 5.229.000 đồng/tháng.

[6] Do quyết định BADA 05/22-TV ngày 24/5/2022 của Công ty B không đúng qui định nên Công ty B có nghĩa vụ bồi thường cho ông T; các khoản bồi thường cho ông T đến ngày xét xử sơ thẩm được tính như sau:

- Tiền lương vi phạm thời gian không thông báo trước: $174.300 \times 45 = 7.843.500$ đồng;

- Tiền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $5.229.000 \times 2 = 10.458.000$ đồng;

- Tiền lương trong những ngày không làm việc từ ngày 25/5/2022 đến ngày 27/7/2023 là 14 tháng 02 ngày $\times 5.229.000\text{đ/tháng} = 73.554.600$ đồng;

- Tại phiên tòa đại diện Công ty B không đồng ý nhận ông T trở lại làm việc. Xét thấy, ông T cũng đồng ý không muốn được nhận lại làm việc tại Công ty cho nên buộc Công ty B bồi thường thêm cho ông T 03 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động với số tiền $5.229.000 \times 3 = 15.687.000$ đồng;

- Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần: Theo quy định tại khoản 5 Điều 428 của Bộ luật Dân sự thì việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ được xác định là vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự, trong đó có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần theo quy định tại khoản 3 Điều 361 của Bộ luật Dân sự. Mặc dù ông T không chứng minh được mức độ thiệt hại thực tế đã xảy ra nhưng việc Công ty B chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, buộc Công ty B bồi thường tổn thất tinh thần cho ông T với số tiền bằng 03 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, số tiền là $1.800.000 \text{ đồng} \times 3 = 5.400.000$ đồng.

- Nguyên đơn không yêu cầu gì liên quan đến các chế độ bảo hiểm nên Hội đồng xét xử không xem xét, tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Tổng các khoản tiền Công ty B phải trả cho ông T là: **112.943.100 đồng**

[7] Đối với các khoản tiền khác mà ông T yêu cầu là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí: Công ty B phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông T.

[9] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 36, Điều 39, Điều 41 của Bộ luật Lao động; khoản 5 Điều 428, khoản 3 Điều 361 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty B về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Hủy bỏ Quyết định BADA 05/22-TV ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Công ty B về việc cho thôi việc đối với người lao động.

3. Chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông T với Công ty B theo Hợp đồng lao động ngày 01/01/2007 và phụ lục hợp đồng kèm theo.

4. Buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 112.943.100 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu xác định mức phụ cấp cộng vào tiền lương để tính trách nhiệm bồi thường.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu Công ty B trả thêm 09 (chín) tháng lương để chấm dứt hợp đồng lao động.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu Công ty B trả thêm 08 (tám) ngày phép năm 2022 và 07 (bảy) ngày phép năm 2023 với số tiền 5.451.345 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu Công ty B trả tiền thưởng tết năm 2023 với số tiền 5.229.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu Công ty B trả tiền bán các tài sản để sử dụng do bị nghỉ việc với số tiền 34.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu Công ty B bồi thường thiệt hại về kinh tế do không xin được việc ở công ty khác với số tiền 40.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tuấn yêu cầu Công ty B bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 34.600.000 đồng.

6. Về án phí:

Công ty B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 5.647.155 đồng.

Ông T được miễn tiền án phí.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành án xong, Công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc